

Bản án số: 212/2024/KDTM-PT
Ngày: 30-08-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng cho
thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Bà Phùng Thị Như Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2024/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/KDTM-ST ngày 26 tháng 2 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3779/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11555/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: Số A T, khu dân cư N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh G, sinh năm 1970; địa chỉ liên lạc: Lầu A, Phòng 1901, Saigon Trade C, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 05/8/2024).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D-AAA Lo-Gi-Stics

Địa chỉ: Số A P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH D1

Địa chỉ trụ: Số A Đ, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trà Thanh T, địa chỉ: Số A đường số B, Phường F, quận G, Thành phố C (theo Giấy ủy quyền số 62/UQ-2013 ngày 17/7/2013).

3.2. Tổng Công ty Cổ phần B

Địa chỉ: Số A đường số E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu S – Sinh năm 1994, ông Lê Hoàng P – Sinh năm 1980; cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường số E, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 09/2024/UQ-AAA ngày 23/01/2024).

(Tại phiên tòa: Ông G, ông S và ông P có mặt; ông T xin vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện:

** Theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần H và trình bày của người đại diện:*

Ngày 28/12/2010 Công ty Cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty H), Công ty Cổ phần D-A (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty D1 (nay là Công ty TNHH D1, sau đây gọi tắt là Công ty D1) ký kết Hợp đồng quản lý và thuê tàu chở dầu sản phẩm “Đại Giang” số 01-2011/HĐTT (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 01-2011/HĐTT) với nội dung Vinamotor đồng ý giao tàu Đại Giang cho Công ty H với tư cách là đại lý đại diện thay mặt cho V1 quản lý, khai thác và điều hành hoạt động tàu, Công ty D1 là đại diện chủ tàu có trách nhiệm thay mặt chủ tàu thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến tàu trong thời gian hiệu lực hợp đồng. Thời hạn hợp đồng là 02 năm từ ngày 28/12/2010 đến ngày 31/12/2012.

Theo điểm 3 phần II của hợp đồng, Công ty H sẽ đảm trách thực hiện trách nhiệm quản lý, khai thác điều hành đối với tàu với tư cách vừa là đại diện thay mặt cho chủ tàu vừa là người thuê tàu trần. Công ty H có quyền thực hiện những công việc quản lý và điều hành hoàn toàn chủ động trên cơ sở những công việc đó cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng và hoàn toàn phù hợp với thực tế của việc quản lý tàu hiệu quả. Trách nhiệm của chủ tàu là V là sẽ thanh toán mọi khoản chi phí phải trả cho Công ty H đúng hạn theo những điều khoản ghi trong hợp đồng (điểm 5 phần II). Chủ tàu chịu trách nhiệm thu xếp, mua và duy trì đảm bảo tất cả những bảo hiểm cần thiết cho tàu và cho hoạt động của tàu bằng chi phí của chủ tàu (điểm 6 phần II). Công ty H sẽ thu phí quản lý tàu cho hợp đồng này dựa trên kết quả kinh doanh khai thác tàu hàng tháng. Lãi gộp từ hoạt động khai thác tàu được xác định bằng tổng doanh thu khai thác tàu thu được hàng tháng trừ đi tổng chi phí vận hành khai thác tàu trực tiếp và lỗ lũy kế của tháng trước (nếu có). Mức phí quản lý là 20% lãi gộp từ hoạt động khai thác tàu. 75% lãi gộp từ hoạt động khai thác tàu sẽ được thanh toán lại cho chủ tàu theo hình thức cước thuê tàu. 5% lãi gộp từ hoạt động khai thác tàu sẽ được

thanh toán cho đại diện của chủ tàu là Công ty D1 theo hình thức phí đại diện của chủ tàu trong việc theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến tàu trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty H đã đưa tàu vào khai thác. Giai đoạn đầu công việc chưa thuận lợi nên đã phát sinh lỗ. Đến tháng 3/2012 khi công việc khai thác tàu đang tiến hành thì Vinamotor có văn bản số 05/2012/CV ngày 09/3/2012 thông báo chấm dứt hợp đồng đã ký và yêu cầu Công ty H bàn giao tàu Đại Giang lại cho V. Vào ngày 10/3/2012, Công ty H đã hoàn tất việc bàn giao tàu Đại Giang cho V. Công ty H đã cùng với đại diện Chủ tàu là Công ty D1 tổng kết, kiểm tra, xác nhận kết quả kinh doanh theo Biên bản ngày 07/5/2012 và bàn giao cho V các văn bản, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tàu theo Biên bản ngày 09/5/2012 và số liệu, hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm tàu Đại Giang theo Biên bản ngày 03/10/2012. Theo nội dung các biên bản thì tổng số nợ lũy kế tính đến ngày 31/3/2012 là 2.997.640.385 đồng; Tổng chi phí sửa chữa, vật tư, phụ tùng khắc phục tổn thất thuộc trách nhiệm bồi thường của đơn vị bảo hiểm là 2.285.545.391 đồng. Số tiền 2.285.545.391 đồng là tiền mà đơn vị bảo hiểm phải thanh toán thuộc trách nhiệm của Vinamotor theo thỏa thuận tại điểm 6 phần II của hợp đồng đã ký kết.

Công ty H đã nhiều lần đề nghị V và Công ty D1 cùng gặp gỡ để thương lượng giải quyết khoản tiền này nhưng V không phản hồi các đề nghị của Công ty H. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc V phải thanh toán cho Công ty H số tiền lỗ mà Công ty H đã gánh chịu trong thời gian thực hiện hợp đồng là 2.997.640.385 đồng và số tiền mà đơn vị bảo hiểm phải thanh toán cho Công ty H thuộc trách nhiệm của V là 2.285.545.391 đồng. Tổng số tiền mà V phải thanh toán cho Công ty H là 5.283.185.776 đồng.

** Bị đơn Công ty Cổ phần D-A-Gi-Stics có người đại diện trình bày:*

Ngày 28/12/2010 V1 và Công ty H có ký kết Hợp đồng quản lý và thuê tàu chở dầu sản phẩm số 01-2011/HĐTT. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, V đồng ý giao tàu Đại Giang cho Công ty H quản lý, khai thác với hình thức cho thuê tàu trần. Trước khi bàn giao tàu Hải Âu, V đã ứng trước số tiền 3 tỷ đồng để sửa chữa tàu trước khi đưa tàu vào hoạt động. Theo Điều 156 Luật Hàng hải quy định người thuê tàu trần phải trả tiền thuê tàu theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê tàu. Thay vì Vinamotor thu tiền thuê tàu theo tháng hoặc theo quý, theo năm bất kể người thuê tàu kinh doanh lãi hay lỗ thì V và Công ty H thỏa thuận chỉ thu tiền tàu trong trường hợp Hải Âu kinh doanh có lãi. Do đó, Công ty H yêu cầu Vinamotor thanh toán khoản lỗ 2.997.640.385 đồng trong hoạt động kinh doanh của Công ty H là không có cơ sở, V không đồng ý với yêu cầu này của H.

Về chi phí sửa chữa tàu do các sự cố xảy ra trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011, ngày 06/7/2011 và ngày 16/11/2011. Công ty H đã yêu cầu Vinamotor thanh toán chi phí sửa chữa tàu 2.285.545.391 đồng thì không được liệt kê các chi phí sửa chữa tàu này vào các Bảng quyết toán doanh thu – chi phí hàng tháng. Sau khi tách chi phí sửa chữa tàu ra khỏi

Bảng quyết toán thì kết quả kinh doanh không lỗ, mà có lợi nhuận là 2.359.615 đồng. Đối chiếu giữa hồ sơ các sự cố tàu do Công ty H cung cấp cho Tòa án với các Bảng quyết toán doanh thu, chi phí khai thác hàng tháng của tàu Đại Giang do Công ty H lập thì tất cả các khoản chi phí sửa chữa tàu trong các sự cố nêu trên đều đã được Công ty H kê khai vào chi phí khai thác, vận hành tàu phát sinh trong mỗi tháng. Các chi phí sửa chữa này đã được bù đắp bởi doanh thu khai thác tàu mỗi tháng, từ đó làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc lãi/lỗ hàng tháng, cụ thể là dẫn đến lỗ lũy kế 2.283.185.776 đồng.

Việc Công ty H vừa yêu cầu thanh toán lỗ lũy kế (đã được tính cả chi phí sửa chữa tàu trong các sự cố từ ngày 12 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011, ngày 06/7/2011 và ngày 16/11/2011) vừa yêu cầu thanh toán chi phí sửa chữa tàu trong các sự cố từ ngày 12 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011, ngày 06/7/2011 và ngày 16/11/2011 là tính hai lần cho cùng một loại chi phí. Công ty H phải cung cấp hồ sơ chứng minh cho các sự cố từ ngày 12 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011, ngày 06/7/2011 và ngày 16/11/2011 và chứng từ chứng minh đã thực chi số tiền sửa chữa tàu bằng chi phí của mình. Cần làm rõ trách nhiệm của Công ty H trong việc yêu cầu bồi thường bảo hiểm vì các sự cố tàu xảy ra trong khoảng thời gian Công ty H trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác tàu. Việc giải quyết bồi thường bảo hiểm cần phải có những thông tin, tài liệu liên quan trực tiếp đến Công ty H (thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên, nhật ký hàng hải...). Công ty H có trách nhiệm phối hợp với đơn giám định và đơn vị bảo hiểm để cung cấp các hồ sơ theo yêu cầu.

Việc chấm dứt hợp đồng quản lý và thuê tàu chở dầu Đ đã được sự đồng thuận của các bên, cụ thể là đã được các bên họp bàn ngày 09/3/2012 và phía Công ty H thống nhất bàn giao tàu lại cho V mà không có bất kỳ sự phản đối nào. Trong suốt quá trình từ khi ký đến khi chấm dứt hợp đồng, Công ty H là người trực tiếp vận hành, khai thác tàu và tự lập Bảng quyết toán doanh thu – chi phí, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện việc Vinamotor nhận được báo cáo hàng tháng cũng như đồng ý tất cả các số liệu khai thác do Công ty H lập.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D1 có người đại diện trình bày:*

Giữa Công ty H, V và Công ty D1 có ký kết Hợp đồng quản lý và thuê tàu chở dầu sản phẩm - “Đại Giang” số 01-2011/HĐTT ngày 28/12/2010 với nội dung Vinamotor giao tàu Đại Giang cho Công ty H với tư cách là đại lý đại diện thay mặt cho V1 quản lý, khai thác và điều hành hoạt động tàu, Công ty D1 là đại diện chủ tàu có trách nhiệm thay mặt chủ tàu thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến tàu trong thời gian hiệu lực hợp đồng. Ngày 09/3/2012 V1 có văn bản số 05/2012/CV thông báo chấm dứt hợp đồng đã ký và yêu cầu Công ty H bàn giao tàu Đại Giang lại cho V. Vào ngày 10/3/2012 Công ty H đã hoàn tất việc bàn giao tàu Đại Giang cho V. Công ty H đã cùng với Công ty D1 tổng kết, kiểm tra, xác nhận kết quả kinh doanh. Tại Biên bản ngày 07/5/2012 thì tổng số nợ lũy kế tính đến ngày 31/3/2012 là 2.997.640.385 đồng, tổng chi phí sửa chữa, vật tư, phụ tùng khắc phục tổn thất thuộc trách nhiệm bồi

thường của đơn vị bảo hiểm là 2.285.545.391 đồng. Công ty D1 xác nhận phần trình bày của nguyên đơn là đúng, có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty B) có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Hữu S, ông Lê Hoàng P chỉ cung cấp bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm thân tàu biển số 1301-0800-010102-11-000001, ngoài ra không có trình bày hoặc cung cấp chứng cứ gì khác vì toàn bộ hồ sơ liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tàu Đại Giang hiện công ty không còn lưu giữ nên không cung cấp được cho Tòa án.*

** Vụ án đã được xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2020/KDTM-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn Công ty V1 kháng cáo. Bản án dân sự phúc thẩm số 613/2021/KDTM-PT ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy bản án sơ thẩm với lý do cần phải đưa Tổng Công ty B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có hay không việc V ký hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty B, nội dung hợp đồng ra sao, ai là người thụ hưởng, đã chi trả chưa... mới có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn thanh toán tiền bảo hiểm phù hợp với các Điều 46, Điều 48, Điều 49 Luật kinh doanh bảo hiểm, đồng thời, sau khi làm rõ số tiền bảo hiểm thì cần đối chiếu các khoản chi phí của nguyên đơn có trùng với số tiền sửa chữa tàu hay không.*

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/KDTM-ST ngày 26/2/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần H:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần D-A-G-Stics phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần H chi phí sửa chữa, vật tư, phụ tùng khắc phục tổn thất 2.285.545.391 (Hai tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, ba trăm chín mươi một) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần H về việc buộc Công ty Cổ phần D-A-G-Stics phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền lỗ mà Công ty Cổ phần H đã gánh chịu trong thời gian thực hiện hợp đồng là 2.997.640.385 (Hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn, ba trăm tám mươi lăm) đồng

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên án về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Ngày 06/3/2024 Công ty H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty H là ông Đặng Minh G trình bày:

- Công ty H kháng cáo đối với phần bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của Công ty H về việc buộc V phải thanh toán cho Công ty H số tiền lỗ mà Công ty H đã gánh chịu trong thời gian thực hiện hợp đồng là 2.997.640.385 đồng. Các phần khác của bản án sơ thẩm Công ty H không kháng cáo. Lý do kháng cáo cụ thể như sau:

+ Khoản tiền 2.997.640.385 đồng là khoản lỗ khi vận hành tàu Đại Giang trong thời gian thuê tàu.

+ Công ty H đã làm mọi trách nhiệm để đưa hoạt động khai thác tàu vào quy củ và bắt đầu có lãi. Việc vận hành đang tốt thì V đề nghị chấm dứt hợp đồng. Công ty H thừa nhận việc chấm dứt hợp đồng thuê tàu là việc thỏa thuận của ba bên (Công ty H, V và Công ty D1) không bị ai ép buộc. Tuy nhiên, trước khi thỏa thuận chấm dứt hợp đồng vào ngày 09/3/2012 thì ba bên có thỏa thuận miệng là V sẽ chịu khoản lỗ này. Đây là uy tín của các bên và đặc biệt là uy tín của V chứ không có bất kỳ văn bản nào.

- Do vậy, Công ty H kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Công ty H về việc V phải thanh toán khoản lỗ tiền 2.997.640.385 đồng cho Công ty H như cam kết miệng mà V đã đưa ra trước khi chấm dứt hợp đồng thuê tàu.

Người đại diện Tổng Công ty B là ông Nguyễn Hữu S, ông Lê Hoàng P không có ý kiến gì về yêu cầu cũng như kháng cáo của Công ty H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; do có lý do khách quan nên không vi phạm thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty H còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Xét, tại Đơn kháng ngày 06/3/2024 và xác nhận của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm Công ty H xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm là mục 2 phần quyết định của bản án sơ thẩm, không kháng cáo mục 1 phần quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không giải quyết phần này của bản án sơ thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo của Công ty H:

Căn cứ nội dung Điều 8 Hợp đồng số 01-2011/HĐTT quy định về phí quản lý, cước thuê tàu thì Hợp đồng số 01-2011/HĐTT không phải là hợp đồng hợp tác kinh doanh mà chỉ là hợp đồng thuê tàu, tuy nhiên cước thuê tàu và phí đại diện được thanh toán khi hoạt động khai thác tàu có lãi và được chia theo tỉ lệ trên lãi gộp. Trong Hợp đồng số 01-2011/HĐTT cũng không quy định về phân chia khoản lỗ trong trường hợp xảy ra thua lỗ.

Công ty H xác nhận ngày 09/3/2012 V đã có văn bản số 05/2012/CV thông báo chấm dứt hợp đồng đã ký kết và bàn giao tài sản. Nội dung thông báo có ghi nhận “Căn cứ tinh thần cuộc họp giữa đại diện của ba Bên sáng ngày 09/03/2012”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty H và V1 đều trình bày có cuộc họp này. Công ty H cho rằng tại cuộc họp thì V đề nghị chấm dứt hợp đồng, lấy lại tàu để bán cho công ty khác và đồng ý chịu toàn bộ khoản lỗ. Tuy nhiên phía Vinamotor không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc V đồng ý chịu khoản lỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty H xác nhận không có chứng cứ chứng minh Vinamotor chấp nhận chịu khoản lỗ mà chỉ là sự xác nhận bằng lời nói của phía Vinamotor tại phiên họp sáng ngày 09/3/2012.

Các tài liệu, chứng cứ các bên giao nộp, bao gồm cả Hợp đồng số 01-2011/HĐTT không có tài liệu nào thể hiện nội dung thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thỏa thuận xử lý hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng.

Theo đó, Công ty H không có tài liệu, chứng cứ hợp lệ chứng minh các bên có thỏa thuận Vinamotor cam kết chịu trách nhiệm khoản lỗ trong thời gian Công ty H thuê tàu theo Hợp đồng số 01-2011/HĐTT.

Vì vậy, kháng cáo của Công ty H về việc buộc V phải thanh toán cho Công Hải Á số tiền lỗ mà Công Hải Á đã gánh chịu trong thời gian thực hiện hợp đồng là 2.997.640.385 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Hàng Hải - Dầu khí Hải Âu

1. Giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm như sau:

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần H về việc buộc Công ty Cổ phần D-A-G-Stics phải thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền lỗ mà Công ty Cổ phần H đã gánh chịu trong thời gian thực hiện hợp đồng là 2.997.640.385 đồng

2. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, như sau:

2.1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần D-A-G-Stics phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần H chi phí sửa chữa, vật tư, phụ tùng khắc phục tổn thất 2.285.545.391 (*Hai tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, ba trăm chín mươi một*) đồng.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 91.952.808 (*Chín mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm lẻ tám*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Công ty Cổ phần H đã nộp 56.641.593 đồng theo Biên lai thu số 07109 ngày 28/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần H còn phải nộp 35.311.215 (*Ba mươi lăm triệu, ba trăm mười một ngàn, hai trăm mười lăm*) đồng.

Công ty Cổ phần D-AAA Lo-G-Stics phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 77.710.908 (*Bảy mươi bảy triệu, bảy trăm mười ngàn, chín trăm lẻ tám*) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0045458 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Q. 1;
- Chi cục THADS Q. 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Quốc Thịnh